

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 132/2022/HNGĐ-ST

Ngày : 12/8/2022

*V/v Tranh chấp hôn nhân và gia  
đình”.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trung Thông

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lý Đình Đạt

2. Ông Ông Tô Văn Đức

**- *Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân  
tỉnh Bắc Giang.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:***  
ông Lương Thất Tùng - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 12/8/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm  
công khai vụ án thụ lý số 117/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022 về  
“Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2022/QĐXX-ST ngày 11/7/2022  
và Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2022/QĐ-ST ngày 27/7/2022 giữa các đương  
sự:

**\*Nguyên đơn:** Anh Phạm Văn Đ; Sinh năm : 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Y, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang

**\*Bị đơn :** Chị Phan Thị P, Sinh năm: 1986 (vắng mặt)

ĐKHKT: Thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

(Hiện đang lao động tại nước ngoài)

Địa chỉ cuối cùng của chị Phan Thị P tại Việt Nam là Thôn Y, xã C, huyện T,  
tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 25/5/2022 Nguyên đơn anh Phạm Văn Đ trình bày:*

Anh và chị P kết hôn ngày 03/5/2004 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cao Xá, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tại thôn Y, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc trong thời gian đầu, đến năm 2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị P đi lao động tại Đài Loan từ đó đến nay chưa về nước và chị P ít liên lạc về với anh. Thời gian gần đây chị P đã cắt đứt mọi liên lạc, không còn quan tâm lo lắng cho anh và các con nữa. Nay anh nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa, hôn nhân không còn hạnh phúc nên anh làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho anh được ly hôn với chị P để anh sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Phạm Ngọc B1, sinh ngày 05/9/2005 và cháu Phạm Hồng L, sinh ngày 06/3/2007. Hiện hai cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường và hai cháu đang sống cùng với anh tại thôn Y, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Nay ly hôn anh có nguyện vọng nuôi được nuôi cháu B1 và cháu L, anh không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh Đ còn trình bày: Hiện nay chị P vẫn đang lao động ở nước ngoài, địa chỉ cụ thể của chị P ở nước ngoài anh không cung cấp được cho Tòa án được vì anh không liên lạc được với chị P, chị P vẫn liên lạc về cho mẹ để chị P là bà Nguyễn Thị L, SN 1963, trú tại: Thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang, nhưng bà L cũng không cung cấp địa chỉ cho anh biết nên anh không biết để cung cấp cho Tòa án.

Do tính chất công việc nên anh không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa anh và chị P được, nên anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh và chị P.

*Tại đơn trình bày hai cháu Phạm Ngọc B1 và cháu Phạm Hồng L trình bày:*  
Các cháu là con của bố Phạm Văn Đ và mẹ Phan Thị P, hiện nay các cháu đang ở cùng với bố là Phạm Văn Đ. Nếu bố mẹ các cháu ly hôn thì nguyện vọng của các cháu là được ở với bố cháu là Phạm Văn Đ.

*Bị đơn chị Phan Thị P không có bản tự khai.*

Ngày 24/6/2022 và ngày 08/7/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ của chị P là bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1963, trú tại: Thôn

Đ, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu bà L thông báo cho chị P biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Phạm Văn Đ và chị Phan Thị P; yêu cầu chị P viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu bà L cung cấp địa chỉ cụ thể của chị P ở nước ngoài. Tuy nhiên qua 2 lần làm việc bà L vẫn giữ nguyên quan điểm là chị P ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình nhưng bà không cung cấp địa chỉ cụ thể của chị P ở nước ngoài cho Tòa án, vì đây là việc cá nhân của chị P, đồng thời bà cũng đồng ý thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị P biết để chị P gửi lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của chị P gửi về.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Phạm Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Phan Thị P vắng mặt không có lý do.

Thay mặt Hội đồng xét xử thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của anh Đ; Biên bản làm việc với mẹ đẻ của chị P là bà Nguyễn Thị L và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn anh Phạm Văn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chị P không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với chị P; Căn cứ vào công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao xử vắng mặt chị Phan Thị P là đúng.

-Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng điều 51, 53, 56; Điều 81, 82, 83 và khoản 2 điều 123; điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 điều 35; điểm c khoản 1 điều 37; khoản 4 điều 147; điều 271; điều 273; điều 150; khoản 1, 2 điều 479 BLTTDS; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn Đ.

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Phạm Văn Đ được ly hôn chị Phan Thị P.

Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Phạm Ngọc B1, sinh ngày 05/9/2005 và cháu Phạm Hồng L, sinh ngày 06/3/2007 cho anh Phạm Văn Đ là người

trực tiếp nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra do anh Đ không yêu cầu. Chị Phan Thị P có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị P thực hiện quyền này.

Về án phí : Anh Phạm Văn Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. **Về thủ tục tố tụng:** Anh Phạm Văn Đ là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh Phạm Văn Đ.

Đối với bị đơn chị Phan Thị P vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ của chị P là bà Nguyễn Thị L để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu bà L thông báo cho chị P biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Phạm Văn Đ và chị Phan Thị P; Yêu cầu chị P viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu bà L cung cấp địa chỉ cụ thể của chị P ở nước ngoài. Bà Nguyễn Thị L trình bày: Chị P ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho bà. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà bà L vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của chị P cho Tòa án, cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị P biết. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn chị Phan Thị P theo thủ tục chung.

[2]. **Về thẩm quyền:** Anh Phạm Văn Đ là nguyên đơn có đơn xin ly chị Phan Thị P, chị P hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 12389/QLXNC-P5 ngày 16/6/2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an), thì chị P đã xuất nhập cảnh 09 lần, lần xuất cảnh gần nhất là ngày 01/7/2013 hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, địa chỉ cuối cùng của chị P ở Việt Nam là: Thôn Y, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[3]. Về quan hệ Hôn nhân:** Anh Phạm Văn Đ và chị Phan Thị P kết hôn ngày 03/5/2004 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cao Xá, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo anh Đ trình bày: Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, chị P đi lao động tại Đài Loan từ đó đến nay chưa về nước và chị P ít liên lạc về với anh. Thời gian gần đây thì chị P đã cắt đứt mọi liên lạc, không còn quan tâm đến anh và các con. Nay anh nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa, hôn nhân không còn hạnh phúc nên anh làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho anh được ly hôn với chị P.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Phạm Văn Đ. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn anh Đ và chị P chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và chị P đã đi sang nước ngoài lao động từ đó đến nay chưa về nước, vợ chồng ít khi liên lạc với nhau thời gian gần đây thì vợ chồng đã cắt đứt mọi liên lạc với nhau không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh Đ và chị P đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn Đ. Xử cho anh Phạm Văn Đ được ly hôn với chị Phan Thị P.

**[4]. Về con chung:** Anh Phạm Văn Đ và chị Phan Thị P có 02 con chung là cháu Phạm Ngọc B1, sinh ngày 05/9/2005 và cháu Phạm Hồng L, sinh ngày 06/3/2007. Hiện nay hai cháu Bích và Liên đang ở với anh Đ, ly hôn anh Đ đề nghị được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con cho anh Đ.

Xét yêu cầu nuôi con chung của anh Đ: Hội đồng xét xử thấy hiện nay chị P đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị Phan Thị P từ khi đi nước ngoài thì 2 cháu Phạm Ngọc B1 và Phạm Hồng L vẫn do anh Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, các cháu phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, được đi học đầy đủ và tại đơn trình bày thì các cháu B1 và cháu L đều có nguyện vọng muốn được ở với anh Đ. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Văn Đ về nuôi con chung. Giao cho anh Phạm Văn Đ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Phạm Ngọc B1, sinh ngày 05/9/2005 và cháu Phạm Hồng L, sinh ngày 06/3/2007 đến khi hai

con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung. Sau khi ly hôn chị Phan Thị P có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị P thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[5]. Về tài sản, công nợ:** Anh Phạm Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

**[6]. Về án phí:** Anh Phạm Văn Đ phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

**[7]. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 3 điều 153; Điều 271; Điều 273; khoản 1, 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27; Điều 44 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

**1. Về hôn nhân:** Cho anh Phạm Văn Đ được ly hôn với chị Phan Thị P.

**2. Về con chung:** Giao cho anh Phạm Văn Đ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Phạm Ngọc B1, sinh ngày 05/9/2005 và cháu Phạm Hồng L, sinh ngày 06/3/2007 đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Phan Thị P có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị P thực hiện quyền này.

Trường hợp chị Phan Thị P về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

**3.Về án phí:** Anh Phạm Văn Đ phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000490 ngày 24/6/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Phạm Văn Đ đã nộp đủ.

**4.Về quyền kháng cáo bản án:** Anh Phạm Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Chị Phan Thị P hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

**Noinhân:**

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Cao Xá, Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Trung Thông**